

**TOÀ ÁN ND HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ -ST

Ngày: 21/02/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Vân
2. Ông Lương Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/8/2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 19/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: H L3, xã HT, huyện VY, tỉnh BG

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: H L3, xã HT, huyện VY, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn cùng Anh Trần Văn T năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện VY, tỉnh BG. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị đã nhiều lần mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không hạnh phúc trong suốt nhiều năm; anh T nhiều lần chửi bới xúc phạm vợ con, sau nhiều lần vợ chồng nói chuyện với nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung vợ chồng tình cảm dần nứt và ly thân từ

tháng 5 năm 2021 đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn Anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là: Trần Bình M, sinh ngày 12/10/2010 và Trần Thị H T sinh ngày 12/4/2015, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Trần Thị H T, anh T nuôi cháu Trần Bình M; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh T.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh T.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Bình M, sinh ngày 12/10/2010 cho Anh Trần Văn T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị H T, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Trần Thị H chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Việt Yên nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình “xin ly hôn”.

Bị đơn Anh Trần Văn T có địa chỉ tại HL 3, xã HT, huyện VY nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản

1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh Trần Văn T.

[2] Về nội dung: Chị H kết hôn cùng anh T ngày 10/11/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện VY. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra xung đột; vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do vậy Tòa án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có hai con chung là Trần Bình M, sinh ngày 12/10/2010 và Trần Thị H T sinh ngày 12/4/2015 hiện nay cháu M đang ở cùng anh T và có nguyện vọng ở với anh T, cháu HT đang ở cùng với chị H, chị H có nguyện vọng nuôi cháu HT, hai cháu được đi học và phát triển bình thường do vậy để tránh sự xáo trộn không cần thiết cho trẻ nhỏ nên căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh Trần Văn T
2. Về con chung: Giao con chung là Trần Bình M, sinh ngày 12/10/2010 cho Anh Trần Văn T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Hương T, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Trần Thị H chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở thực hiện quyền nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000493, ngày 23/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện